

TÁC ĐỘNG CÁC CAM KẾT CỦA VIỆT NAM GIA NHẬP WTO ĐẾN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ THU HÚT VỐN FDI VÀO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Thị Bình Minh & Hà Thị Ngọc Oanh

1. Tác động các cam kết của VN đối với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đến môi trường đầu tư thu hút vốn FDI

1.1 Các cam kết của VN đối với WTO có tác dụng thúc đẩy cải cách thể chế và chính sách vĩ mô

Trong các cam kết đa phương để gia nhập WTO, VN đã cam kết rằng, trong khuôn khổ xây dựng, phê chuẩn và thực thi chính sách kinh tế (có liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài), VN sẽ thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, VN sẽ xác định và thực thi các cam kết bằng cách áp dụng trực tiếp hoặc nội luật hóa trên nguyên tắc ưu tiên các điều khoản trong cam kết quốc tế.

Kể từ khi nộp đơn xin gia nhập WTO (1995) cho đến khi trở thành thành viên của WTO (đặc biệt trong giai đoạn 2003 – 2005) nhiều bộ luật có liên quan đến qui định về đầu tư nước ngoài được sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới. Một số luật và nghị định quan trọng:

+ Luật đầu tư nước ngoài (có kèm thêm những văn bản hướng dẫn) được sửa đổi, bổ sung 5 lần để có được Luật Đầu tư 2005 nhằm ngày càng hoàn thiện môi trường đầu tư cho các nhà đầu tư

thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ Luật doanh nghiệp (hiệu lực từ ngày 1/1/2000) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tiến trình cải cách kinh tế của VN và sửa đổi, bổ sung để có Luật doanh nghiệp mới vào tháng 11/2005 (có hiệu lực từ 1/7/2006) tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư phù hợp với các quy định quốc tế.

+ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 10/05/1997, sửa đổi năm 2003, và lần gần nhất là ngày 03/06/2008 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2009) cùng với Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi, bổ sung theo tinh thần không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp, cá nhân trong nước và doanh nghiệp, cá nhân là người nước ngoài.

+ Luật lao động được sửa đổi (có hiệu lực từ tháng 1/2003) cải thiện sự phân biệt đối xử trong các vấn đề lao động.

+ Luật hải quan (có hiệu lực từ 1/1/2006) chuẩn hoá về các thủ tục hải quan.

+ Luật đất đai (sửa đổi) ngày 26/11/2003 cải thiện các luật lệ và quy định liên quan tới đất đai và mở rộng quyền sử dụng đất, giảm mức độ phiền hà cho các nhà đầu tư nước ngoài trong việc hạn chế khả năng huy động vốn của nhà đầu tư thông

qua thế chấp đất đai; đảm bảo các ưu đãi dành cho các công ty nước ngoài mà không có ngoại lệ.

+ Nghị định 131/2005/NĐ-CP (18/10/2005) đưa ra các quy định về giao dịch vãng lai quốc tế phù hợp với khái niệm của IMF.

+ Luật dân sự (2005) và Luật sở hữu trí tuệ (2005) thiết lập hệ thống các quy định hoàn chỉnh và thống nhất về quyền sở hữu trí tuệ.

+ Nghị định của Chính phủ được nâng lên thành Luật đấu thầu (có hiệu lực từ năm 2005), khắc phục những trở ngại đáng kể xuất phát từ các thủ tục phức tạp và phiền hà, trong đó có cả hoạt động thanh tra của Chính phủ và yêu cầu đấu thầu công khai đối với các công trình xây dựng.

Thứ hai, các qui định của WTO sẽ được áp dụng thống nhất trên toàn lãnh thổ; các luật, các qui định dưới luật và các biện pháp khác, bao gồm cả các qui định và biện pháp của chính quyền địa phương đều tuân thủ theo các qui định của WTO.

Với những cam kết trên đây, thể chế công và hệ thống pháp luật được cải thiện và xây dựng trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích quốc gia và tuân thủ nguyên tắc quốc tế. Để tạo thế chủ động cho VN trong tiến trình hội nhập và đảm bảo các cam kết quốc tế, làm cho môi trường thu hút đầu tư nước ngoài của VN ngày càng trở nên hấp dẫn, yêu cầu “một hệ thống luật đồng bộ, thống nhất”, tạo môi trường hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài, Chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp mang tính tích cực thể hiện tinh thần chủ động hội nhập của VN. Các biện pháp cụ thể là:

Cải cách thể chế

- Xây dựng và hoàn thiện các thể chế, trước hết là thể chế kinh tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước.

- Đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (có tham khảo ý kiến của công chúng và đặc biệt là những góp ý của nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức quốc tế và khu vực có uy tín).

- Bảo đảm việc tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức.

- Cải cách và tiếp tục cải cách thủ tục hành chính.

Cải cách tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

Bộ máy quản lý nhà nước được xây dựng và

điều chỉnh trên nguyên tắc phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới, khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương.

- Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền từ Trung ương đến địa phương; cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của cơ quan hành chính các cấp.

Đặc biệt Đề án 30 về đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước (giai đoạn 2007-2010) với mục tiêu xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, tiết kiệm, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn đã được tiến hành từ năm 2005 với bốn nội dung chủ yếu là: cải cách thể chế hành chính; cải cách bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập và cải cách tài chính công.

Theo tinh thần đó Nhà nước pháp quyền đã dần dần tạo môi trường quản lý vĩ mô ngày càng thuận lợi, tạo tâm lý thoải mái cho nhà đầu tư nước ngoài khi đến VN. Cụ thể là:

- Về thể chế hành chính: Các văn bản về tổ chức bộ máy nhà nước đã quy định khá cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, từng bước thể hiện sự phân cấp trong quản lý giữa Trung ương và địa phương; các văn bản pháp luật về công vụ, cán bộ, công chức đã quy định cụ thể các quyền, nghĩa vụ của các cán bộ, công chức và bước đầu đã đi theo hướng chuyên biệt hoá các đối tượng những người phục vụ trong cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Việc phân cấp quản lý đã chuyển dần các công việc, nguồn lực thuộc phạm vi cộng đồng lãnh thổ do chính quyền địa phương tự giải quyết. Việc này góp phần tích cực trong phát huy tính chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương.

- Bộ máy hành chính đã giảm dần các đầu mối quản lý, số lượng các cơ quan quản lý nhà nước đã giảm xuống đáng kể; theo đó thủ tục hành chính được cải cách theo hướng “một cửa”, mẫu hóa các văn bản hành chính, giấy tờ, công khai các thủ tục hành chính. Những cải cách về thủ tục hành chính đã góp phần hạn chế sự sách nhiễu, phiền hà, tham nhũng của các công chức hành chính trong khi giải quyết các công việc của công dân. Đây là điểm căn bản nhất của cải cách hành chính góp phần tạo tâm lý thoải mái cho các nhà đầu tư.

Ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Một số chính sách cụ thể:

+ Chính sách ưu đãi về thuế: Đã xây dựng hệ thống chính sách thuế hợp lý nhằm khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài sản xuất phụ tùng, linh kiện, tăng tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm cơ khí, điện tử. Bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cao, chế biến nông - thủy sản, đầu tư vào các địa bàn có điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội khó khăn nhằm tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài.

+ Các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài được giải quyết nhanh chóng "một cửa - tại chỗ"; "một cửa - liên thông".

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương và địa phương để đơn giản hoá thủ tục hành chính, cấp giấy chứng nhận đầu tư bằng cách thực hiện chủ trương phân cấp, uỷ quyền thích hợp; đặc biệt là qui trình đăng ký, thẩm định dự án và phân công, phân nhiệm trong quản lý dự án đầu tư nước ngoài và chế độ báo cáo, thống kê phục vụ điều hành của Chính phủ và các cơ quan điều hành về FDI.

+ Chính sách đất đai (sửa đổi) ngày 26/11/2003 đã cho phép doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp tài sản gắn liền với đất và giá trị quyền sử dụng đất để bảo đảm vay vốn tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại VN. Mặc dù theo qui định của luật pháp VN, đất đai thuộc sở hữu toàn dân dưới sự quản lý của Nhà nước; ngay cả công dân VN cũng không có quyền sở hữu hay thế chấp đất.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép thuê đất để thực hiện dự án đầu tư với

thời hạn cho thuê thông thường không vượt quá 50 năm (Điều 67.3 của Luật đất đai (sửa đổi)). Tuy nhiên, hợp đồng cho thuê có thể được gia hạn sau khi kết thúc thời hạn cho thuê ban đầu. Đối với các dự án có vốn đầu tư lớn, lâu thu hồi vốn hoặc được thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì Chính phủ có thể cho thuê đất tối đa là 70 năm. Những quy định này được áp dụng không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, không cản trở hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư và VN không có kế hoạch sửa đổi các quy định này.

+ Chính sách giá: Thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử trong cam kết gia nhập WTO, VN đã từng bước loại bỏ chế độ hai giá. Mức cước viễn thông thống nhất đã được áp dụng kể từ ngày 1/10/2000; từ tháng 2/2004, VN đã bãi bỏ chế độ hai giá đối với vé hàng không nội địa; dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ cảng biển và giá điện đã được áp dụng một mức thống nhất đối với cả người VN và người nước ngoài kể từ 1/1/2005 (Quyết định 215/2004/QĐ-TTg ngày 29/12/2004).

+ Chính sách cải cách doanh nghiệp nhà nước: Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước với phạm vi rộng lớn hơn, bao gồm cả một số tổng công ty, doanh nghiệp lớn, kể cả các ngành mà Nhà nước giữ độc quyền như: điện lực, bưu chính viễn thông, ngân hàng, v.v.. Các nhà đầu tư nước ngoài đều được mua cổ phiếu của các doanh nghiệp cổ phần hóa. Chính phủ sẽ mở rộng tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp này.

+ Cho phép chuyển đổi một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

+ Về ngành nghề khuyến khích đầu tư: Tạo

điều kiện cho các nhà đầu tư tìm cơ hội đầu tư vào tất cả các ngành nghề Chính phủ VN không cấm đầu tư, phù hợp với thoả thuận song phương, đa phương và các nguyên tắc của WTO, trong đó đặc biệt quan tâm khuyến khích các dự án thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng, các dự án công nghiệp phụ trợ, các dự án có công nghệ kỹ thuật cao.

Ngoài các chính sách trực tiếp liên quan đến đầu tư nước ngoài, các qui định trong hệ thống chính sách kinh tế nói chung như hệ thống tín dụng, bảo lãnh đầu tư, chuyển đổi ngoại tệ, chính sách đền bù chi phí xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp... cũng được áp dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.2 Cam kết của VN đối với WTO có tác động tích cực đến môi trường quản lý kinh tế vĩ mô về đầu tư nước ngoài

Từ khi là thành viên của WTO, về cơ bản VN đã thực hiện tốt các cam kết đối với WTO, cũng như đối với các tổ chức đa phương khác. Các cơ quan chức năng cùng phối hợp nhịp nhàng tham gia thực thi các cam kết về đầu tư nước ngoài. Cụ thể là:

- Bộ Công thương, với vai trò là đầu mối trong việc chủ động tham gia Vòng đàm phán Doha, đã phối hợp các bộ, ngành liên quan tiến hành rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật thực thi cam kết WTO.

- Bộ Tài chính triển khai thực hiện đúng cam kết trong lĩnh vực tài chính như thuế xuất nhập khẩu, hải quan và phí hải quan, thuế, phí nội địa, chính sách tài chính, v.v.. Bộ Tài chính cũng tiến hành rà soát các chính sách, pháp luật về tài chính so với quy định của WTO và các cam kết gia nhập của VN để đề xuất lộ trình điều chỉnh phù hợp.

- Ngân hàng Nhà nước đã sửa đổi bổ sung và ban hành nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng theo hướng minh bạch hóa chính sách, tuân thủ nguyên tắc thị trường và cam kết quốc tế, các hình thức tổ chức tín dụng được mở rộng, bao gồm cả hình thức 100% vốn nước ngoài.

- Bộ Tư pháp đã góp ý và thẩm định 95 điều ước quốc tế (đa phương và song phương), 185 văn bản quy phạm pháp luật trong nước liên quan hội nhập kinh tế quốc tế và đầu tư nước ngoài.

Công tác xây dựng pháp luật, thể chế, đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính,

đặc biệt trong các lĩnh vực cam kết WTO (dịch vụ văn hóa, du lịch, bản quyền...) cũng được chú trọng thực hiện.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và phối hợp tổ chức các cuộc hội thảo, lớp tập huấn giới thiệu phổ biến các cam kết gia nhập WTO liên quan hoạt động đầu tư, kinh doanh... Đồng thời tiếp tục triển khai xây dựng các đề án, báo cáo về đổi mới vai trò, chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập và xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và triển khai chương trình hành động hậu WTO về sở hữu trí tuệ, rà soát về pháp luật sở hữu trí tuệ của VN trong khuôn khổ Hội đồng TRIPS của WTO và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT).

- Hầu hết các địa phương trong cả nước đã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Chính phủ, tổ chức các Ban hội nhập, triển khai công tác tuyên truyền học tập quán triệt nghị quyết, mở lớp tập huấn, giới thiệu thông tin, các cam kết trong WTO; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế, thực hiện cơ chế một cửa liên thông; xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu để chủ động kêu gọi đầu tư nước ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, rà soát lại các dự án trong và ngoài nước, các dự án đang kêu gọi đầu tư nước ngoài nhằm tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài; tận dụng lợi thế so sánh để nâng cao năng lực cạnh tranh của từng địa phương.

2. Tác động các cam kết của VN đối với WTO đến môi trường đầu tư thu hút vốn FDI tại TP.HCM

Thứ nhất, TP.HCM biết tận dụng và phát huy, phát triển những lợi thế về hạ tầng kỹ thuật với hệ thống cầu, cảng, sân bay, đường giao thông nội ô và liên tỉnh, khu công nghiệp, công nghệ cao, điện, viễn thông, các ngành công nghiệp phụ trợ. Hơn nữa, sức hấp dẫn nhất thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến TP.HCM chính là tình hình chính trị - xã hội của VN nói chung và TP.HCM nói riêng rất ổn định.

Thứ hai, thủ tục hành chính được đơn giản hóa. UBND TP.HCM đã giao cho Sở Kế hoạch –

Đầu tư làm đầu mối “một cửa” từ nhận hồ sơ đến khi hoàn thành thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp. Bằng nhiều mô hình giới thiệu, xúc tiến đầu tư, TP.HCM đã thực hiện cấp hàng ngàn thẻ thông hành ưu tiên cho các nhà đầu tư để họ được đón chào từ cửa sân bay Tân Sơn Nhất khi vào TP.HCM.

TP.HCM còn là một trong những địa phương đi đầu trong việc áp dụng tiêu chuẩn ISO để đánh giá, kiểm soát thường xuyên hoạt động của các cơ quan hành chính trong việc giải quyết các công việc của cá nhân, tổ chức. Thực tiễn việc áp dụng các tiêu chuẩn ISO vào hoạt động hành chính đã mang lại những kết quả đáng kể: Việc giải quyết các công việc của người dân nói chung và các nhà đầu tư nói riêng trở nên đơn giản, nhanh gọn, đúng pháp luật, đúng thời hạn, đúng thủ tục.

Thứ ba, thực hiện chủ trương phân cấp trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đầu tư nước ngoài, lãnh đạo TP.HCM đã nỗ lực, chủ động tận dụng cơ hội, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và mạnh dạn trong việc thẩm định và cấp phép cho các dự án lớn

Thứ tư, thực thi các cam kết phát huy tính năng động, linh hoạt của các cơ quan quản lý trong việc cung cấp thông tin có liên quan đến đầu tư nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành, phân tích và dự báo các biến động, các xu thế đầu tư vào TP.HCM.

Thứ năm, thực hiện cam kết mở cửa thị trường cho dòng vốn FDI đổ vào, TP.HCM phải chú trọng hơn đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thỏa mãn yêu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài.

Những năm trước đây, nguồn vốn FDI vào TP.HCM tập trung vào những ngành sử dụng quá nhiều lao động phổ thông (như ngành may), quy mô vốn thấp. Hiện nay thành phố đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu đầu tư, tập trung vào các ngành công nghệ cao, nhiều vốn và chất xám như điện tử, tin học, cơ khí, công nghệ hóa, v.v.. Năm 2007, đã có trên 30% doanh nghiệp có nhu cầu lao động chất lượng cao với các ngành nghề kỹ thuật công nghệ thông tin, quản lý kinh tế, tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế.

Với những hoạt động tích cực trên đây, TP.HCM nhiều năm liền là địa phương đứng đầu trong việc thu hút nguồn vốn FDI (Bảng 1)

Bảng 1: SỐ VỐN FDI VÀO TP.HCM SO VỚI CẢ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Cả nước	TP. Hồ Chí Minh	
		Vốn FDI	% so với cả nước
2001	3.036,00	619.122	20,40
2002	2.790,00	314.041	11,30
2003	3.100,00	303.591	10,00
2004	4.200,00	830	19,76
2005	6.100,00	950	15,57
2006	10.500,00	1.827,30	17,40
2007	21.300,00	2.870,00	13,47
2008	64.000,00	8.802,00	13,75

Nguồn: Tập hợp các số liệu từ báo cáo tổng kết của Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM

Bảng trên cho thấy: Dấu ấn đậm nét nhất từ WTO mang lại cho nền kinh tế VN và kinh tế TP.HCM sau hơn 2 năm gia nhập chính thức của WTO chính là thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng vọt. Nếu như những năm trước, mức độ thu hút vốn FDI tại TP.HCM bị sụt giảm mạnh, năm 2006, 2007 đã chứng kiến sự trở lại ngoạn mục của nguồn vốn FDI: Trong đó năm 2006 có 283 dự án với gần 1,6 tỷ USD (tăng 153% so với năm 2005), năm 2007: 493 dự án với gần 2,3 tỷ USD (tăng 43,5 % so với năm 2006). Năm 2008 là năm thứ 3 liên tiếp, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt mức kỷ lục do thành phố không ngừng đẩy mạnh cải cách hành chính trong việc xem xét và cấp giấy chứng nhận đầu tư, giải phóng mặt bằng và chuẩn bị nguồn đất, vì vậy TP.HCM vẫn có sức hút lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, công nghệ thông tin, dịch vụ tư vấn, công nghiệp v.v.. Năm 2008: 546 dự án với vốn đầu tư trên 8 tỷ USD (tăng 256,5% so với 2007). Đây thực sự là một dấu ấn tốt đẹp, trong bối cảnh nền kinh tế VN và thế giới đang gặp nhiều khó khăn. Trong năm, đã cấp phép cho những dự án quy mô lớn hơn 1 tỷ USD như dự án xây dựng khu đô thị đại học quốc tế Beryaya của nhà đầu tư Malaysia tại Hóc Môn với tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ USD trên quy mô khoảng 1.000ha; dự án xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê với tổng vốn đầu tư 1,2 tỷ USD của Công ty TNHH TA, Associates VN; dự án khu công viên phần mềm Thủ Thiêm với tổng giá trị đầu tư trên 1,2 tỷ USD do SaigonTel (thành viên

Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn - SGI) liên doanh với Công ty TA Associates International, Pte.Ltd của Singapore...Đặc biệt, số vốn đăng ký tăng thêm của năm 2008 cũng đạt mức ấn tượng với 169 dự án đăng ký tăng vốn, tổng vốn đầu tư tăng thêm là 270,7 triệu USD.

Quy mô các dự án đầu tư nước ngoài tại TP.HCM đang có xu hướng tăng. Dự án còn hiệu lực tính đến 31/12/2008 với quy mô vốn dưới 1 triệu USD: 2.034 dự án, chiếm 64,1%; từ 1 triệu USD đến 10 triệu USD: 870 dự án, chiếm 27,4%; trên 10 triệu USD: 269 dự án, chiếm 8,5%. Nhìn chung có thể nhận thấy, đầu tư FDI chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, những lĩnh vực thu hút nhiều lao động, vốn nhỏ, phù hợp với lợi thế. Tuy vậy, một số dự án lớn gần đây cho thấy, lĩnh vực sản xuất quy mô lớn bắt đầu được quan tâm thông qua các cam kết quốc tế của VN về khả năng tiếp cận thị trường và lĩnh vực đầu tư. Điều này cho thấy các dự án quy mô lớn sẽ tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn sau gia nhập WTO.

Năm 2009 TP.HCM vẫn tiếp tục là địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút nguồn vốn FDI, với khoảng 3.500 dự án và vốn đăng ký cấp mới đạt khoảng 8,5 tỷ USD, tăng gần 50% so với năm 2008 và vượt kế hoạch 32%. Như vậy đến hết năm 2009 có gần 350 dự án, với tổng vốn đầu tư khoảng 28 tỷ USD còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn TP.HCM

Hiện có 29 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào thành phố; trong đó, nhóm các nước có vốn đầu tư vào thành phố nhiều là Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Nhật, Anh, Pháp, Mỹ.

Bên cạnh những tác động mang tính tích cực đến môi trường đầu tư, trong quá trình thực hiện các cam kết của VN đối với WTO liên quan đến thu hút nguồn vốn FDI, những tác động mang tính hạn chế cũng được bộc lộ rõ nét. Cụ thể:

Thực hiện cam kết gia nhập WTO, TP.HCM đã mở cửa hầu hết các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt việc mở cửa các ngành dịch vụ, trong đó có dịch vụ xây dựng và kinh doanh bất động sản đã khiến cho dòng vốn FDI đổ vào lĩnh vực này với tốc độ rất cao

Mặc dù nhà đầu tư đã đi đúng hướng thương mại - dịch vụ mà thành phố đã đề ra, nhưng mặt trái của nó là từ năm 2007 thị trường bất động sản tăng giá ảo, tình trạng kẹt xe, ô nhiễm môi trường và ngập nước tại thành phố ngày càng nặng nề.

Hơn nữa tốc độ phát triển của hạ tầng kỹ thuật không theo kịp với tốc độ thu hút đầu tư nước ngoài khiến cho lĩnh vực này trở nên quá tải, bất cập; quỹ đất ngày càng hạn hẹp; môi trường ô nhiễm ngày càng nặng hơn; tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, còn diễn biến phức tạp... những vấn đề này đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đầu tư của TP.HCM.

Mặt hạn chế thứ hai là chủ trương phân cấp trong quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài trong điều kiện hệ thống quy hoạch chưa đồng bộ, kịp thời; năng lực quản lý của cán bộ công quyền trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài còn yếu và thiếu nên việc thẩm tra năng lực của chủ đầu tư còn hạn chế, đặc biệt trong phê duyệt các dự án có quy mô lớn khiến cho khả năng triển khai các dự án này có thể sẽ gặp khó khăn theo cam kết của nhà đầu tư.

Thứ ba, nguồn nhân lực có tay nghề, kỹ thuật cao, các chuyên gia quản lý, chuyên gia kỹ thuật, công nghệ có trình độ cao còn thiếu và chưa đáp ứng được với yêu cầu trong hội nhập kinh tế nói chung và cho khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tại TP.HCM nói riêng.

Thứ tư, công tác xúc tiến đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, môi trường đầu tư tại TP.HCM chưa mang tính cạnh tranh cao (giá đất, chi phí xây dựng, chi phí thuê nhà xưởng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất tại TP.HCM còn cao so với các tỉnh lân cận và các nước trong khu vực).

3. Những giải pháp đẩy mạnh thực hiện các cam kết của VN đối với WTO liên quan đến môi trường đầu tư thu hút vốn FDI tại TP.HCM

- **Giải pháp thứ nhất:** Đổi mới tư duy theo "Kiểu tư duy WTO".

WTO luôn coi trọng yêu cầu minh bạch, công khai, có thể dự báo tình hình. Vì thế vấn đề trước hết phải là đổi mới tư duy theo hướng phù hợp với hệ thống pháp luật thương mại quốc tế của WTO. Yêu cầu này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động lập pháp phải có kiến thức chuyên môn cần thiết, phải được đào tạo, chuẩn bị hành nghề theo một tư duy pháp lý và kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu nhất định. Yêu cầu đổi mới tư duy phải được chú ý đến cả lực lượng các nhà làm luật đương nhiệm, các chuyên gia đang thực thi công vụ đồng thời tính đến lực lượng chuyên gia đang và sẽ được hình thành cho tương lai.

WTO yêu cầu thực thi pháp luật thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ của các nước thành viên. Do đó, chất lượng công tác của cán bộ, công chức phải đáp ứng những yêu cầu nhất định, đồng đều theo yêu cầu của quy chế thành viên WTO.

Với những quy định có liên quan đến minh bạch, công khai : Các cơ quan có trách nhiệm phải kiểm tra việc thực hiện một số quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có những quy định liên quan đến cơ chế lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của các tổ chức, cá nhân khác nhau đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

TP.HCM cần kiến nghị với Chính phủ nên sớm ban hành một số văn bản cấp Chính phủ, Bộ, ngành để hướng dẫn cụ thể, chi tiết thi hành các cam kết của VN theo bộ hồ sơ cam kết về điều kiện và quy chế thành viên WTO của VN.

• **Giải pháp thứ hai:** Đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức nòng cốt về WTO và hội nhập kinh tế quốc tế cho TP.HCM.

Gia nhập WTO và hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra yêu cầu đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia nòng cốt về WTO và hội nhập kinh tế quốc tế của VN và TP.HCM, góp phần xử lý các vấn đề do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra. Có nhiều vấn đề cần xử lý, nhưng ưu tiên xử lý các vấn đề sau:

- **Thứ nhất**, phải nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật của các cơ quan pháp luật, nhằm xây dựng nền móng về giáo dục, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO. Cần triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế và WTO của các cơ quan bảo vệ pháp luật bằng tiếng Anh cho những cán bộ, học viên được định hướng hoạt động đối ngoại hoặc tham gia vào các quan hệ

pháp lý quốc tế có yếu tố nước ngoài. Đặc biệt là phải sử dụng được ngôn ngữ chính thức của WTO (tiếng Anh) và khả năng tự sử dụng các phương tiện, thông tin trên mạng Internet toàn cầu.

- **Thứ hai**, nâng cao chất lượng của các công cụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật của các cơ quan bảo vệ pháp luật; trước hết là hệ thống các giáo trình, giáo án, tài liệu pháp luật tham khảo liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế và WTO. Các tài liệu này phải được cập nhật, chuẩn xác theo yêu cầu của khu vực và cộng đồng thương mại quốc tế mà trước tiên là WTO và phù hợp với tình hình phát triển của VN nói chung và TP.HCM nói riêng.

- **Thứ ba**, từ khi VN gia nhập WTO, số lượng các doanh nghiệp nước ngoài vào hoạt động tại VN gia tăng đáng kể; vì thế cần có các quy định mẫu về đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức trong một số lĩnh vực nhạy cảm, tiếp xúc nhiều với các nhà đầu tư nước ngoài; đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng của hệ thống cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước của TP.HCM, đáp ứng được những yêu cầu về chống tham nhũng.

• **Giải pháp thứ ba:** Đẩy nhanh tốc độ cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng giao dịch điện tử vào quản lý hành chính (thực hiện chính phủ điện tử) tại TP.HCM.

Từ khi VN nộp đơn xin gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế và khu vực, chúng ta đã luôn khẳng định nguyên tắc VN sẽ nghiêm chỉnh chấp hành các cam kết quốc tế và áp dụng trực tiếp các quy định của điều ước quốc tế mà VN là thành viên. Tuy vậy, việc hiểu đúng và chấp hành nghiêm chỉnh các luật lệ của WTO là thách thức không nhỏ trong mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước của VN và TP.HCM nói chung và đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nói riêng. Đặc biệt là thủ tục hành chính vẫn chưa cải thiện được như

mong đợi của nhà đầu tư.

• **Giải pháp thứ tư:** Khẩn trương hoàn thành các công trình nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng, hệ thống đường xá – cầu cống tại TP.HCM.

Cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp nhanh chóng, và mạnh dạn cho phép cùng với việc khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia phát triển hạ tầng, nhất là những công trình hạ tầng đường giao thông.

• **Giải pháp thứ năm:** Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại TP.HCM.

Cần phải đổi mới mạnh mẽ và toàn diện hệ thống giáo dục đào tạo, coi phát triển giáo dục đào tạo là động lực phát triển nhanh, bền vững. Thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục như khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào sự nghiệp giáo dục, tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực này, kết hợp đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Đẩy nhanh việc triển khai kế hoạch tổng thể về đào tạo nhằm nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 50% vào năm 2010. Theo đó, ngoài việc nâng cấp đầu tư hệ thống các trường đào tạo nghề hiện có lên ngang tầm khu vực và thế giới, sẽ phát triển thêm các trường đào tạo nghề và trung tâm đào tạo từ các nguồn vốn khác nhau. Nghiên cứu điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thực hiện các giải pháp nhằm đưa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động vào thực tế cuộc sống để ngăn ngừa tình trạng đình công bất hợp pháp, lành mạnh hóa quan hệ lao động theo tinh thần của Bộ luật lao động, bao gồm: Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về lao động, tiền lương phù hợp trong tình hình mới; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lao động đối với người sử dụng lao động nhằm đảm bảo điều kiện làm việc và đời sống cho người lao động; nâng cao hiểu biết pháp luật về lao động thông qua phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật cho người lao động, người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để đảm bảo chính sách, pháp luật về lao động và tiền lương được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc.

• **Giải pháp thứ sáu:** Hạn chế và khắc phục đình công tại TP.HCM.

Đây là vấn đề đang được các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài rất quan tâm. Trung ương và

chính quyền TP.HCM cần phải thực hiện một số các biện pháp sau:

- Hoàn thiện các chính sách, pháp luật và quy định có liên quan đến đình công và giải quyết đình công.

- Tăng cường hơn nữa các chương trình xây dựng nhà ở, hệ thống dịch vụ hỗ trợ cải thiện điều kiện ăn ở, di lại, sinh hoạt và vui chơi giải trí tối thiểu cho người lao động.

- Thực hiện giờ giấc lao động hợp lý, chế độ ăn uống đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Phải xem xét mức lương của người lao động để đảm bảo rằng họ có thể ổn định được cuộc sống và yên tâm làm việc.

- Đẩy mạnh việc thành lập và nâng cao chất lượng tổ chức công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành tại các doanh nghiệp có vốn FDI■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà thị Ngọc Oanh, *Giáo trình Đầu tư quốc tế và chuyển giao công nghệ tại VN*, NXB Thống kê, 2007
2. Báo cáo của Ban công tác về việc VN gia nhập WTO – 06-5205
3. Các báo cáo tổng kết của Sở Kế hoạch và Đầu tư về thu hút đầu tư nước ngoài.
4. *Thời báo Kinh tế VN*
5. Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007
6. Quyết định 972/1997/QĐ-TTg ngày 15/11/1997
7. Báo cáo số 1803/BNV-CCHC của Bộ Nội vụ (ngày 19/6/2008) tổng kết thí điểm cải cách hành chính theo cơ chế một cửa-một dấu.
7. Niên giám thống kê và các nhật báo.
8. www.cchctp.hochiminhcity.gov.vn
9. www.dpi.hochiminhcity.gov.vn
10. www.mpi.gov.vn
11. vneconomy.vn
12. www.tbktvn.vn
13. www.thanhvien.com.vn
14. www.tintuc.egov.gov.vn
15. www.tuoiitre.com.vn
16. www.vienkinhte.hochiminhcity.gov.vn